

Số: 39/2015/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về Quy định trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BKHHCN ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định việc kiểm tra, đánh giá điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Quy định về xác định các Đề tài khoa học và công nghệ và Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước và Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp Quy định về đánh giá, nghiệm thu Đề tài khoa học và Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (I+II);
- Bộ KH&CN;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT, các PCT/UBND tỉnh;
- Các ban Đảng, MTTQ và các Đoàn thể tỉnh;
- Lưu VT+KTN.Ng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dương

QUY ĐỊNH

**Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND
Ngày 27 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan Nhà nước, các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Quy định này điều chỉnh các hoạt động: xác định nhiệm vụ, phê duyệt tuyển chọn và giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện, kiểm tra, giám sát, quyết toán kinh phí, nghiệm thu đánh giá, công bố kết quả nghiên cứu và tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư, nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các chương trình của Trung ương, nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ kinh phí theo chương trình hợp tác và nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến bí mật quốc gia không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh* là vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương, được thể hiện dưới hình thức một đề tài, dự án, chương trình hoặc đề án khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. *Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ được triển khai nghiên cứu nhằm giải quyết một hoặc nhiều vấn đề trong các lĩnh vực: khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược; khoa học nông nghiệp; khoa học xã hội; khoa học nhân văn...

3. *Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

4. *Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao

trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, được triển khai dưới hình thức đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh, dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định.

5. *Đề án khoa học* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật.

6. *Chương trình khoa học và công nghệ* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ có mục tiêu chung giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ trung hạn hoặc dài hạn được triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài, dự án khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm...

7. *Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh* (sau đây gọi tắt là *đề xuất đặt hàng*) là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là cấp huyện) và các cơ quan khác *đề xuất để đặt hàng* nhằm thực hiện theo yêu cầu của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và phát triển khoa học và công nghệ cho các sở, ngành tỉnh và cấp huyện.

8. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng* là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc chương trình khoa học và công nghệ cụ thể có tên gọi và các mục tiêu rõ ràng thể hiện các yêu cầu cơ bản do sở, ngành tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện đặt hàng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, để làm căn cứ cho việc tuyển chọn hoặc xét giao trực tiếp cho tổ chức và cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

9. *Tuyển chọn* là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí được nêu trong Quy định này.

10. *Giao trực tiếp* là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đặt hàng của cơ quan có thẩm quyền.

11. *Giao toàn bộ quyền sử dụng kết quả nghiên cứu* là việc đại diện chủ sở hữu nhà nước cho phép chủ thể khác sử dụng độc quyền kết quả nghiên cứu trong phạm vi, thời hạn theo quy định của pháp luật và điều kiện thỏa thuận giữa các bên.

12. *Giao một phần quyền sử dụng kết quả nghiên cứu* là việc đại diện chủ sở hữu nhà nước cho phép chủ thể khác sử dụng một phần kết quả nghiên cứu hoặc sử dụng không độc quyền kết quả nghiên cứu trong phạm vi, thời hạn theo quy định của pháp luật và điều kiện thỏa thuận giữa các bên.

Chương II

YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Điều 3. Yêu cầu chung đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu và tiêu chí cụ thể như sau:

a) Có tính cấp thiết rõ ràng hoặc tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

b) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang thực hiện.

c) Có quy mô và yêu cầu phù hợp với năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện.

d) Các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải có địa chỉ ứng dụng, áp dụng vào sản xuất, đời sống, an ninh, quốc phòng; có tác động tích cực đến phát triển khoa học và công nghệ, kinh tế và xã hội của các cấp, các ngành nói riêng và của tỉnh nói chung.

2. Tiêu chí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

a) Có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ trong phạm vi của tỉnh.

c) Có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh.

3. Thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

a) Đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, đề án khoa học thời gian thực hiện không quá 03 năm.

b) Đối với chương trình khoa học và công nghệ thời gian thực hiện từ 05 đến 10 năm.

c) Trường hợp đặc biệt có nhiều nội dung, thời gian thực hiện dài hơn quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Ngoài các quy định nêu tại Điều này, đề tài khoa học phải đáp ứng yêu cầu cụ thể quy định tại Điều 4, dự án thử nghiệm phải đáp ứng yêu cầu cụ thể quy định tại Điều 5, đề án khoa học phải đáp ứng yêu cầu cụ thể quy định tại Điều 6, chương trình, dự án khoa học phải đáp ứng yêu cầu cụ thể quy định tại Điều 7.

Điều 4. Yêu cầu cụ thể đối với đề tài khoa học cấp tỉnh

1. Đối với đề tài khoa học và công nghệ kết quả nghiên cứu cần đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với mục tiêu của chương trình, dự án khoa học của tỉnh, nếu đề tài thuộc chương trình hoặc dự án khoa học.

b) Về ý nghĩa khoa học phải đảm bảo tính mới, tính tiên tiến về công nghệ.

c) Về ý nghĩa thực tiễn: trực tiếp hoặc góp phần quan trọng giải quyết những vấn đề cấp bách của sản xuất và đời sống... có khả năng tác động và ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Có tính khả thi: sự phù hợp về thời gian nghiên cứu, kinh phí nghiên cứu, năng lực khoa học công nghệ trong nước có thể thực hiện được.

đ) Yêu cầu về công nghệ, sản phẩm khoa học:

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả và có nhu cầu của sản xuất, đời sống.

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ ở dạng mẫu đảm bảo tính mới, tính tiên tiến và tính ứng dụng cao.

- Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm trong sản xuất và đời sống.

2. Đối với đề tài thuộc các lĩnh vực khác, kết quả cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- Đưa ra luận cứ khoa học cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước.

- Sản phẩm khoa học và công nghệ đảm bảo tính mới, tính tiên tiến thông qua các công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Điều 5. Yêu cầu cụ thể đối với dự án thử nghiệm cấp tỉnh

1. Dự án phải có xuất xứ từ một trong ba nguồn sau:

a) Kết quả của các đề tài khoa học và công nghệ đã được Hội đồng Khoa học và công nghệ các cấp đánh giá nghiệm thu và kiến nghị áp dụng.

b) Sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học công nghệ.

c) Kết quả khoa học và công nghệ từ nước ngoài đã được các tổ chức có thẩm quyền thẩm định công nhận.

2. Đảm bảo các điều kiện về tính khả thi như:

a) Có sự phù hợp với năng lực khoa học và công nghệ trong nước và phù hợp với mục tiêu của chương trình, dự án khoa học của tỉnh, nếu dự án thử nghiệm thuộc chương trình hoặc dự án khoa học.

b) Tổ chức dự kiến chủ trì là doanh nghiệp hoặc tổ chức khoa học và công nghệ có lĩnh vực hoạt động hoặc nhiệm vụ phù hợp với việc nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm của dự án.

c) Có phương án tin cậy trong việc huy động các nguồn tài chính, trong đó các nguồn tài chính ngoài ngân sách cần được xác nhận tài trợ hoặc bảo đảm.

d) Tiến độ thực hiện phù hợp với tiến độ triển khai dự án đầu tư sản xuất, thời gian thực hiện khả thi.

đ) Có nhu cầu từ sản xuất, đời sống và có khả năng áp dụng rộng rãi để tạo ngành nghề mới, tăng thêm việc làm và thu nhập cho cộng đồng.

e) Được thị trường chấp nhận hoặc có thị trường tiêu thụ sản phẩm của dự án.

g) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ tạo ra đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất thử nghiệm và khả thi trong phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt.

Điều 6. Yêu cầu đối với đề án khoa học cấp tỉnh

1. Giải quyết những vấn đề khoa học mang tính liên ngành hoặc liên huyện; huy động nhiều nguồn lực, có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Kết quả nghiên cứu đáp ứng yêu cầu cung cấp luận cứ khoa học cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định chính sách và thực hiện chủ trương, giải pháp của lãnh đạo Tỉnh trong phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Điều 7. Yêu cầu đối với chương trình, dự án khoa học cấp tỉnh

1. Có mục tiêu tạo ra kết quả khoa học và công nghệ phục vụ định hướng phát triển của tỉnh như: phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, phát triển công nghệ ưu tiên hoặc một số lĩnh vực trọng điểm trong giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm; phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh hoặc phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Nội dung bao gồm những vấn đề khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp vùng hoặc cấp quốc gia, phù hợp với nguồn lực khoa học và công nghệ trong nước.

3. Kết quả có tính mới, tính tiên tiến của khu vực, có khả năng ứng dụng cao, đáp ứng được các mục tiêu của chương trình.

Điều 8. Mã số của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được ghi như sau:

1. XX/YYYY-ĐTCN là ký hiệu chung cho các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ.

2. XX/YYYY-ĐTXH là ký hiệu chung cho các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

3. XX/YYYY-DACN là ký hiệu chung cho các dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ.

4. XX/YYYY-DATN là ký hiệu chung cho các dự án sản xuất thử nghiệm.

5. XX/YYYY-ĐAKH là ký hiệu chung cho các đề án khoa học.

6. XX/YYYY-CTCN là ký hiệu chung cho các chương trình khoa học và công nghệ.

Trong đó:

- Nhóm XX là nhóm 2 chữ số ghi số thứ tự của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Sở Khoa học và Công nghệ sắp xếp theo thứ tự trong năm bắt đầu thực hiện.

- Nhóm YYYY là nhóm 04 chữ số ghi năm bắt đầu thực hiện.

- Giữa nhóm chữ số thứ tự nhiệm vụ với nhóm chữ số ký hiệu năm bắt đầu thực hiện là dấu gạch chéo; giữa nhóm chữ số ký hiệu năm bắt đầu thực hiện với nhóm các chữ cái ký hiệu loại hình, lĩnh vực thực hiện là dấu gạch nối.

Điều 9. Công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bao gồm: Danh mục các nhiệm vụ đưa ra tuyển chọn, giao trực tiếp; kết quả trúng tuyển được thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Tháp (<http://www.skhn.dongthap.gov.vn>) hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng theo các quy định hiện hành.

Chương III

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 10. Thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn) có nhiệm vụ tư vấn trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện và đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định thành lập Hội đồng tư vấn phù hợp với lĩnh vực hoặc nội dung chuyên ngành của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cá nhân tham gia Hội đồng tư vấn bao gồm: các chuyên gia khoa học và công nghệ, người làm công tác quản lý khoa học và công nghệ, người làm công tác khoa học thuộc các ngành, lĩnh vực triển khai và thụ hưởng kết quả nghiên cứu.

Điều 11. Thành phần Hội đồng tư vấn

1. Tiêu chuẩn và thành phần Hội đồng tư vấn bao gồm:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng là nhà khoa học có chuyên môn sâu, am hiểu và có nhiều đóng góp thuộc lĩnh vực nghiên cứu hoặc là cán bộ lãnh đạo, quản lý chuyên ngành khoa học và công nghệ.

b) Ủy viên phản biện là chuyên gia khoa học và công nghệ có chuyên môn sâu, am hiểu và có nhiều đóng góp trong lĩnh vực nghiên cứu.

c) Các Ủy viên Hội đồng là người làm công tác quản lý khoa học và công nghệ, công tác chuyên môn về khoa học thuộc cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sản xuất - kinh doanh và các tổ chức khác có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu.

2. Hội đồng tư vấn đề tài, đề án khoa học và dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh có từ 07 đến 09 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 02 Ủy viên phản biện và các Ủy viên Hội đồng, trong đó có 01 Ủy viên làm thư ký khoa học.

3. Đối với Hội đồng tư vấn xác định dự án, chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh có từ 09 đến 11 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, có từ 02 đến 03 Ủy viên phản biện và các Ủy viên Hội đồng, trong đó có 01 Ủy viên làm thư ký khoa học.

4. Các chuyên gia, các ủy viên phản biện đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu. Trong trường hợp cần thiết, có thể mời 01 chuyên gia đang công tác tại cơ quan chủ trì đề tài, dự án làm ủy viên Hội đồng.

5. Những trường hợp sau không được tham gia Hội đồng:

a) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia chính thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án.

c) Vợ hoặc chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác.

d) Người có bằng chứng xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

6. Cơ cấu Hội đồng gồm:

a) Có ít nhất 50% thành viên là các chuyên gia khoa học có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án.

b) Có không quá 50% thành viên là các chuyên gia về kinh tế, quản lý đại diện cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu đề tài, dự án, cơ quan quản lý và các tổ chức khác có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án.

Điều 12. Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Hội đồng tư vấn

1. Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp, chuẩn bị các ý kiến tư vấn và gửi phiếu nhận xét đến Sở Khoa học và Công nghệ trong phiên họp Hội đồng.

2. Đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về các ý kiến tư vấn của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng.

3. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình tư vấn, không được cung cấp thông tin về kết quả tư vấn trước khi công bố chính thức, không được sử dụng kết quả tư vấn trái quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

4. Được quyền yêu cầu Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc tư vấn.

5. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên phản biện và Thư ký khoa học ngoài trách nhiệm và quyền hạn của thành viên hội đồng nêu tại khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều này còn có trách nhiệm sau:

a) Chủ tịch Hội đồng phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thời gian họp và chủ trì các phiên họp Hội đồng; xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ của chủ nhiệm đề tài, dự án theo ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá chính thức.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp Hội đồng trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt.

c) Các ủy viên phản biện có trách nhiệm thẩm định, nhận xét, đánh giá sâu về nội dung cần tư vấn và gửi phiếu nhận xét cho Sở Khoa học và Công nghệ vào phiên họp của Hội đồng.

d) Thư ký khoa học giúp Chủ tịch Hội đồng ghi chép các ý kiến thảo luận tại các phiên họp, xây dựng và hoàn thiện biên bản theo ý kiến kết luận của chủ trì phiên họp Hội đồng.

Điều 13. Phương thức làm việc của Hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

2. Tài liệu được gửi đến các thành viên Hội đồng ít nhất 05 ngày làm việc trước phiên họp Hội đồng.

3. Phiên họp của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và ít nhất 01 Ủy viên phản biện. Ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo.

4. Phiên họp của Hội đồng tư vấn xác định dự án, chương trình khoa học và công nghệ phải có mặt ít nhất 3/4 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và ít nhất 02 Ủy viên phản biện. Ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp. Thư ký khoa học ngoài nhiệm vụ Ủy viên Hội đồng còn có nhiệm vụ ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản phiên họp của Hội đồng.

6. Ý kiến của các thành viên Hội đồng và kiến nghị của Hội đồng phải được lập thành văn bản; Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi có trên 1/2 số thành viên của Hội đồng có mặt biểu quyết nhất trí.

7. Các ý kiến khác nhau của thành viên được Thư ký Hội đồng hoặc chủ trì phiên họp tổng hợp để Hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên Hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của Hội đồng. Thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng.

8. Sở Khoa học và Công nghệ cử từ 01 đến 02 chuyên viên làm thư ký hành chính có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ tài liệu và các điều kiện cần thiết theo quy định phục vụ các phiên họp của Hội đồng.

9. Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng biểu mẫu làm việc của Hội đồng tư vấn theo quy định và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

10. Kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn là Biên bản làm việc ghi đầy đủ, chi tiết nội dung, tiến trình và kết luận cuộc họp, kèm những kiến nghị theo quy định.

Chương IV

LẤY Ý KIẾN TƯ VẤN ĐỘC LẬP

Điều 14. Tư vấn độc lập

1. Sở Khoa học và Công nghệ có thể mời 02 (hai) chuyên gia hoặc 01 (một) tổ chức để tư vấn độc lập khi cần thiết. Ý kiến của các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập là căn cứ bổ sung để Sở Khoa học và Công nghệ đưa ra các kết luận cuối cùng.

2. Chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Là chuyên gia thuộc cơ sở dữ liệu chuyên gia khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Có thâm niên công tác trong cùng lĩnh vực tư vấn từ mười (10) năm trở lên.

c) Có tư cách đạo đức tốt, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

3. Yêu cầu đối với tổ chức tư vấn độc lập: Là tổ chức có năng lực và kinh nghiệm trong đánh giá hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ; có kinh nghiệm trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ hoặc sản xuất sản phẩm tương đương sản phẩm của đề tài, dự án; có đội ngũ cán bộ có trình độ cao về lĩnh vực nghiên cứu.

4. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng không thống nhất về kết quả tư vấn.

b) Hội đồng vi phạm các quy định tại Quy định này.

c) Có khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động và kết luận của Hội đồng.

Điều 15. Thủ tục lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chuẩn bị và gửi các tài liệu sau đây tới chuyên gia tư vấn độc lập.

1. Công văn của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ mời chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

2. Các tài liệu chứa đựng đầy đủ thông tin để đưa ra ý kiến tư vấn độc lập.

3. Hai (02) phong bì dán sẵn tem bưu điện và ghi rõ tên, địa chỉ người nhận là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 16. Trách nhiệm của chuyên gia tư vấn độc lập

1. Phân tích, đánh giá và đưa ra các ý kiến phản biện khách quan đối với các hồ sơ cần tư vấn độc lập.

2. Hoàn thành báo cáo tư vấn, giữ bí mật các thông tin đánh giá và gửi trực tiếp tới Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trong phong bì có niêm phong đúng thời hạn quy định.

3. Trong thời hạn được mời tư vấn độc lập không được tiếp xúc hoặc trao đổi thông tin với tổ chức chủ trì hoặc các cá nhân tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Nếu vi phạm sẽ bị hủy bỏ kết quả tư vấn và xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC XÂY DỰNG VÀ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NỘI DUNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 17. Tổng hợp nhu cầu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trên cơ sở đề xuất đặt hàng của các tổ chức, sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào định hướng phát triển khoa học và công nghệ hoặc theo tính cấp thiết lấy ý kiến tham vấn của các sở, ngành chuyên môn có liên quan đến những nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần triển khai; Những nhiệm vụ khoa học và công nghệ qua tham vấn đáp ứng về yêu cầu và tính khả thi được tổng hợp vào danh mục sơ bộ nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Việc lấy ý kiến có thể bằng văn bản hoặc hình thức khác.

2. Đối với những đề xuất đặt hàng nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của huyện hoặc liên huyện, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp các đề xuất vào danh mục sơ bộ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần triển khai.

Trong quá trình xây dựng danh mục sơ bộ nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nếu cần thiết Sở Khoa học và Công nghệ có thể sử dụng ý kiến tư vấn độc lập để xác định nhiệm vụ nhằm đảm bảo đạt yêu cầu tại Chương V Quy định này.

Điều 18. Hoàn chỉnh danh mục sơ bộ nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trên cơ sở ý kiến tư vấn, Sở Khoa học và Công nghệ hoàn chỉnh danh mục sơ bộ từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất đặt hàng “đạt yêu cầu” đảm

bảo đầy đủ các yếu tố cơ bản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mục tiêu, nội dung, sản phẩm dự kiến, kinh phí dự kiến, địa chỉ ứng dụng) để tổ chức phiên họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất đặt hàng “đạt yêu cầu” đưa vào danh mục sơ bộ khi đáp ứng 02 yêu cầu sau:

- a) Đầy đủ thông tin trong Phiếu đề xuất đặt hàng và phụ lục kèm theo;
- b) Có đủ cơ sở về tính cấp thiết của nhiệm vụ đề xuất.

Điều 19. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ

1. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhiệm vụ tư vấn các định dạng mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất đặt hàng được Sở Khoa học và Công nghệ hoàn chỉnh thành danh mục sơ bộ.

2. Tài liệu của phiên họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm:

a) *Đề xuất đặt hàng* theo mẫu và ý kiến tư vấn của chuyên gia hoặc của sở, ngành, cấp huyện (nếu có).

b) Danh mục sơ bộ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất đặt hàng.

c) Trích lục chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch, kế hoạch phát triển KH&CN và mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo từng giai đoạn của tỉnh.

d) Các biểu mẫu cần thiết theo quy định phục vụ nội dung cuộc họp Hội đồng.

đ) Tài liệu chuyên môn liên quan khác (nếu có).

3. Kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ là Biên bản kết quả làm việc của Hội đồng và danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ có đầy đủ các yếu tố cơ bản (xác định tên, mục tiêu, sản phẩm dự kiến, phương thức thực hiện tuyển chọn hoặc giao trực tiếp) được Hội đồng thống nhất trong cuộc họp và đề nghị phê duyệt.

Điều 20. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đột xuất

1. Khi phát sinh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao, các đơn vị được giao nhiệm vụ gửi hồ sơ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ (văn bản giao nhiệm vụ, công văn đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì, đề cương nghiên cứu) về Sở Khoa học và Công nghệ để triển khai thực hiện theo phương thức giao trực tiếp.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đột xuất phục vụ tình huống cấp bách, công tác quản lý nhà nước được ưu tiên thực hiện trước. Quy trình phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất được tiến hành ngay khi có yêu cầu. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm làm việc với các cơ quan liên quan để ưu tiên phân bổ kinh phí sau khi thuyết minh nhiệm vụ được thông qua.

Điều 21. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Căn cứ kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh để xét giao trực tiếp hoặc tuyển chọn thực hiện.

2. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt có Tờ trình và các văn bản kèm theo gồm:

- a) Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.
- b) Biên bản kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.
- c) Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề nghị phê duyệt.

3. Căn cứ hồ sơ đề nghị phê duyệt và trên cơ sở rà soát kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sau 10 ngày làm việc.

4. Trong 05 ngày làm việc, khi tiếp nhận kết quả phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Tháp; đồng thời, thông báo đến tổ chức, cá nhân được chọn giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ biết để thực hiện và thông báo tuyển chọn rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng để tuyển chọn tổ chức, cá nhân có đủ năng lực triển khai đối với nhiệm vụ tuyển chọn.

Chương VI

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 22. Nguyên tắc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nguyên tắc chung.

a) Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tuyển chọn, giao trực tiếp phải thông qua Ủy ban nhân dân tỉnh và được chấp nhận bằng văn bản.

b) Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn phải được thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ (<http://www.skhcn.dongthap.gov.vn>) hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác trong thời gian 30 ngày làm việc để tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn chuẩn bị hồ sơ đăng ký.

c) Việc tuyển chọn, giao trực tiếp phải bảo đảm công khai, công bằng, dân chủ, khách quan; kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Tháp hoặc

trên các phương tiện thông tin đại chúng khác theo các quy định hiện hành, trừ các nhiệm vụ thuộc bí mật quốc gia và đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng.

d) Việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp.

đ) Việc đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được tiến hành bằng cách chấm điểm theo các nhóm tiêu chí cụ thể quy định tại Điều 30 Quy định này.

e) Mỗi cá nhân chỉ được đăng ký chủ nhiệm một (01) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

g) Khuyến khích việc hợp tác thực hiện giữa các tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn nhằm huy động được tối đa nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Nguyên tắc tuyển chọn.

a) Đáp ứng các nguyên tắc chung quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Tuyển chọn được áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhiều tổ chức và cá nhân đăng ký, có khả năng thực hiện.

c) Đối với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có tính chất đặc biệt quan trọng và có độ bảo mật cao sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp lựa chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện theo phương thức riêng.

3. Nguyên tắc giao trực tiếp.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao trực tiếp phải đảm bảo các nguyên tắc chung quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời phải đáp ứng một trong các trường hợp sau đây:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc bí mật quốc gia, đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng.

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ có một tổ chức khoa học và công nghệ đăng ký tham gia và có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó.

Điều 23. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các tổ chức có đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, hoặc có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp chủ trì thực hiện; trừ các trường hợp sau đây:

a) Đến thời điểm nộp hồ sơ chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trước đây.

b) Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu từ sáu (06) tháng trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ sẽ không được tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp trong thời hạn hai (02) năm kể từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh.

c) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ hoặc sau khi kết thúc mà không triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, đời sống theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và yêu cầu của bên đặt hàng, sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian ba (03) năm, tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

d) Không thực hiện nghĩa vụ đăng ký, nộp lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

đ) Đối với các tổ chức tiếp nhận ứng dụng kết quả nghiên cứu, nếu không báo cáo kết quả ứng dụng của nhiệm vụ theo Quyết định chuyển giao kết quả nghiên cứu của Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian hai (02) năm.

2. Đối với cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

a) Có trình độ đại học trở lên.

b) Có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp và đang hoạt động trong cùng lĩnh vực với nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong năm (05) năm, tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

c) Là người chủ trì hoặc tham gia chính xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức triển khai và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, xét giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác của tỉnh Đồng Tháp.

b) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh chậm từ hơn 90 ngày theo quy định hiện hành mà không có ý kiến chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian hai (02) năm.

c) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” hoặc có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn ba (03) năm kể từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

d) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện phải truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không được tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn năm (05) năm kể từ thời điểm thi hành xong bản án.

Điều 24. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm:

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc bản sao quy định chức năng hoạt động phù hợp cùng lĩnh vực chuyên môn của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (theo mẫu).

3. Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ (theo mẫu).

4. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ (theo mẫu) và gửi kèm theo kết quả đánh giá hoạt động hàng năm của tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có).

5. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (theo mẫu).

6. Lý lịch khoa học của chuyên gia nước ngoài kèm theo giấy xác nhận về mức lương chuyên gia (trường hợp thuê chuyên gia nước ngoài).

7. Văn bản xác nhận (theo mẫu) về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).

8. Văn bản chứng minh về năng lực khoa học và công nghệ, trang thiết bị của đơn vị phối hợp (nếu có) và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện (trường hợp có huy động vốn từ nguồn khác).

9. Đối với dự án: văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước (báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của các tổ chức tín dụng; cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của tổ chức chủ trì và các tổ chức tham gia dự án).

10. Danh mục thiết bị, máy móc cần mua sắm để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).

Điều 25. Nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp gồm một (01) bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) nêu tại Điều 24 được trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và một (01) bản điện tử của hồ sơ ghi trên đĩa

quang (dạng PDF, không đặt mật khẩu) được đóng gói trong túi hồ sơ có niêm phong và bên ngoài ghi rõ:

- a) Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp (tên, mã số của chương trình – nếu có).
- b) Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì.
- c) Họ, tên của cá nhân đăng ký chủ nhiệm.
- d) Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

2. Hồ sơ và thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp được nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ theo thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Ngày chứng thực nhận hồ sơ là ngày ghi ở dấu của bưu điện (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc dấu đến của Sở Khoa học và Công nghệ (trường hợp nộp trực tiếp). Trong thời hạn quy định nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc thay hồ sơ mới và bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định; văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của hồ sơ.

Điều 26. Mở và kiểm tra xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ với sự tham dự của đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, đại diện các cơ quan liên quan (nếu cần). Hồ sơ nộp sau ngày quy định là hồ sơ không hợp lệ và không được đưa vào xem xét.

2. Quá trình mở hồ sơ sẽ được ghi thành biên bản có chữ ký và đóng dấu của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, chữ ký của đại diện các tổ chức tham gia mở hồ sơ.

3. Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá là hồ sơ được chuẩn bị theo đúng các biểu mẫu hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ đồng thời đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Quy định này. Trường hợp hồ sơ thiếu văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác như đã quy định tại khoản 9 Điều 24 của Quy định này vẫn được coi là hợp lệ, nhưng không được tính điểm huy động vốn khác.

Điều 27. Chuẩn bị cho các phiên họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chuẩn bị và gửi tài liệu phiên họp đến tất cả thành viên Hội đồng hoặc chuyên gia (nếu có) gồm:

1. Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp.
2. Trích lục danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt.

3. Bản sao hồ sơ gốc hoặc bản điện tử của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp nêu tại Điều 24 Quy định này.

4. Các biểu mẫu liên quan đến phiên họp.

5. Tài liệu liên quan khác.

Điều 28. Trách nhiệm của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản đối với từng hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đến thư ký khoa học tại phiên họp đánh giá của Hội đồng.

2. Nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ; nhận xét đánh giá mặt mạnh, mặt yếu và đánh giá chung từng hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định; viết nhận xét, đánh giá và luận giải cho việc đánh giá; cho điểm theo các tiêu chí tại biểu mẫu quy định.

3. Chấm điểm độc lập theo các nhóm tiêu chí đánh giá và thang điểm quy định. Trước khi chấm điểm, Hội đồng thảo luận chung để thống nhất quan điểm, phương thức cho điểm đối với từng tiêu chí.

4. Kiến nghị phương thức khoán chi thực hiện đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng kiến nghị giao trực tiếp.

Điều 29. Trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Công bố Quyết định thành lập Hội đồng, biên bản mở hồ sơ, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Hội đồng trao đổi thống nhất nguyên tắc làm việc.

4. Hội đồng tư vấn tuyển chọn xem xét, đánh giá, lựa chọn dựa vào hồ sơ do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp; trường hợp xét giao trực tiếp, tổ chức được giao trực tiếp cử cá nhân làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình bày tóm tắt trước Hội đồng về đề cương nghiên cứu, đề xuất phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần trước Hội đồng, trả lời các câu hỏi của thành viên hội đồng (nếu có) và không tham dự bước 5 và bước 6 của phiên họp.

5. Hội đồng tiến hành đánh giá các hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp.

a) Các thành viên Hội đồng trình bày nhận xét đánh giá từng hồ sơ và so sánh giữa các hồ sơ đăng ký cùng một (01) nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các tiêu chí quy định tại Điều 30 của Quy định này.

b) Thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng xem xét, tham khảo.

c) Hội đồng thảo luận, đánh giá từng hồ sơ theo các tiêu chí đánh giá đã được quy định. Trong quá trình thảo luận Hội đồng có thể nêu câu hỏi đối với các ủy viên phản biện, ủy viên hội đồng về ý kiến nhận xét.

d) Hội đồng cho điểm độc lập từng hồ sơ theo các tiêu chí, thang điểm quy định tại Điều 30 của Quy định này và bỏ phiếu đánh giá chấm điểm cho từng hồ sơ theo phương thức bỏ phiếu kín.

đ) Hội đồng bầu Ban Kiểm phiếu gồm ba (03) người là ủy viên của Hội đồng, trong đó có Trưởng ban và hai (02) thành viên.

6. Ban Kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng và xếp hạng các hồ sơ được đánh giá có tổng số điểm trung bình từ cao xuống thấp.

7. Hội đồng công bố công khai kết quả chấm điểm đánh giá và thông qua biên bản làm việc, kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển hoặc được giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

a) Hồ sơ xét giao trực tiếp được Hội đồng thông qua khi hồ sơ được đánh giá với tổng số điểm trung bình phải đạt từ 70/100 điểm trở lên. Trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm).

b) Tổ chức, cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên. Trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm); trường hợp các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì hồ sơ có điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm cao hơn của Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) được ưu tiên để xếp hạng.

8. Hội đồng thảo luận để thống nhất kiến nghị:

a) Những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các sản phẩm khoa học và công nghệ chính với những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng phải đạt.

b) Phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

c) Lưu ý những điểm cần chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ của tổ chức và cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển hoặc giao trực tiếp.

9. Thư ký khoa học hoàn thiện biên bản làm việc của Hội đồng.

Điều 30. Đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp

Đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện bằng phương thức chấm điểm tối đa 100 điểm theo các nhóm tiêu chí và thang điểm sau:

1. Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ.

a) Đánh giá tổng quan (điểm tối đa 8).

b) Nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng (điểm tối đa 24).

c) Tính mới, tính đủ của sản phẩm khoa học và công nghệ (điểm tối đa 16).

d) Phương án chuyển giao ứng dụng các sản phẩm và phương án tổ chức để triển khai ứng dụng sản phẩm (điểm tối đa 16).

đ) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (điểm tối đa 20).

e) Năng lực của tổ chức và các cá nhân tham gia (điểm tối đa 16).

2. Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, đề án khoa học.

a) Tổng quan tình hình nghiên cứu (điểm tối đa 12).

b) Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu (điểm tối đa 12).

c) Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (điểm tối đa 12).

d) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (điểm tối đa 20).

đ) Tính mới của sản phẩm, lợi ích kết quả của đề tài và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu (điểm tối đa 24).

e) Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện (điểm tối đa 20).

3. Dự án sản xuất thử nghiệm.

a) Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án (điểm tối đa 8).

b) Nội dung và phương án triển khai (điểm tối đa 24).

c) Tính mới và tính khả thi của công nghệ (điểm tối đa 12).

d) Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến của dự án (điểm tối đa 16).

đ) Phương án tài chính (điểm tối đa 24).

e) Năng lực thực hiện (điểm tối đa 16).

Điều 31. Xử lý kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp

1. Đối với hồ sơ được đề nghị thực hiện (trường hợp giao trực tiếp) sau khi có biên bản làm việc của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo đến tổ chức, cá nhân được đề nghị thực hiện, để hoàn chỉnh hồ sơ, tiến hành xác định kinh phí và ký hợp đồng triển khai.

2. Đối với hồ sơ trúng tuyển sau khi có biên bản làm việc của Hội đồng, Sở Khoa học và công nghệ xem xét kết quả làm việc của Hội đồng có thể lấy ý kiến tư vấn độc lập nêu tại Chương IV Quy định này hoặc kiểm tra thực tế cơ sở vật chất – kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân được kiến nghị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu cần) trước khi đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn.

3. Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ tuyển chọn, giao trực tiếp mà không có hồ sơ nào trúng tuyển hoặc được đề nghị thực hiện, căn cứ vào tính cấp thiết của nhiệm vụ mà Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục thực hiện công tác tuyển chọn, giao trực tiếp hoặc báo Ủy ban nhân dân tỉnh cho dừng triển khai nhiệm vụ nếu không khả thi.

4. Căn cứ vào nội dung kết luận và kiến nghị của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ xét giao nhiệm vụ, Sở khoa học và công nghệ tiến hành rà soát, thẩm định nội dung thuyết minh chi tiết; nếu đạt theo yêu cầu theo kết luận của Hội đồng tư vấn, tiến hành xác nhận thuyết minh hoàn chỉnh làm cơ sở thẩm định kinh phí để tiến hành ký hợp đồng triển khai thực hiện.

Điều 32. Phê duyệt kết quả tuyển chọn

1. Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định phê duyệt tổ chức và cá nhân trúng tuyển.

2. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả tuyển chọn đến tổ chức, cá nhân trúng tuyển và cơ quan quản lý trực tiếp của cá nhân trúng tuyển chủ nhiệm (cá nhân chủ nhiệm không thuộc tổ chức chủ trì) sau khi có quyết định phê duyệt trúng tuyển của Ủy ban nhân dân Tỉnh, đồng thời thông báo trên trang tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Tháp.

3. Tổ chức và cá nhân trúng tuyển có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ theo kết luận của Hội đồng và gửi Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển.

4. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hoàn chỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng xét duyệt hồ sơ cho tổ chức, cá nhân trúng tuyển nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương VII

TÀI CHÍNH VÀ KÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 33. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm kinh phí được hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác.

2. Khuyến khích tổ chức và cá nhân tham gia các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ.

Đối với kinh phí ngoài nguồn ngân sách huy động để thực hiện nhiệm vụ được giao trực tiếp đến tổ chức chủ trì chi cho việc triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo tiến độ của hợp đồng nghiên cứu.

3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh gồm kinh phí thực hiện các nội dung theo thuyết minh được duyệt và kinh phí quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Kinh phí phục vụ công tác quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học của tỉnh và được phân bổ cho Sở Khoa học và Công nghệ để chi cho các hoạt động quản lý.

5. Việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thực hiện theo quy định về quản lý tài chính khoa học và công nghệ hiện hành.

Điều 34. Định mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Cơ sở lập dự toán, phê duyệt dự toán thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được căn cứ vào:

- Văn bản quy định của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước.

- Định mức kỹ thuật của ngành chuyên môn.

- Nhu cầu thực tế về sử dụng nguyên vật liệu, thuê mướn lao động để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Các quy định về mức chi đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh, công tác phí, chế độ chi bồi dưỡng áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Điều 35. Thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các ngành có liên quan cử thành viên tham gia Tổ thẩm định dự toán kinh phí các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh với số lượng thành viên không quá 05 người (gọi tắt là Tổ Thẩm định); ra quyết định thành lập Tổ Thẩm định, ban hành Quy chế, phương thức, quy trình làm việc của Tổ Thẩm định.

2. Tổ Thẩm định kinh phí căn cứ nội dung thuyết minh đã hoàn chỉnh theo kết luận của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ tuyển chọn, giao trực tiếp và được Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận, tiến hành thẩm định dự toán kinh phí cần thiết để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với các nội dung được phê duyệt theo quy định.

3. Căn cứ kết quả thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Tổ Thẩm định và văn bản thống nhất kinh phí của Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt kinh phí triển khai thực hiện.

Điều 36. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Quyết định phê duyệt trúng tuyển (trường hợp tuyển chọn) hoặc quyết định giao trực tiếp (trường hợp giao trực tiếp) của Ủy ban nhân dân tỉnh; thuyết minh đã hoàn chỉnh có xác nhận của Sở Khoa học và Công nghệ; ý kiến tư vấn độc lập (nếu có); biên bản thẩm định kinh phí; văn bản phê duyệt kinh phí là căn cứ pháp lý để Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng và cấp kinh phí để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (sau đây gọi là Hợp đồng nghiên cứu) với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản thống nhất kinh phí của Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành xác lập thủ tục ký Hợp đồng với tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa

học và công nghệ.

3. Nội dung, điều khoản của Hợp đồng nghiên cứu thực hiện theo “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ” ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 37. Cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Căn cứ nội dung Hợp đồng, tiến độ thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ làm thủ tục cấp kinh phí cho tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Số lượng kinh phí cấp mỗi lần và số lần cấp kinh phí thực hiện được căn cứ vào tiến độ thực hiện ghi trong thuyết minh được duyệt và các thoả thuận trong hợp đồng.

3. Kinh phí cấp tối đa trong thời gian thực hiện là 90% tổng kinh phí theo Hợp đồng; số kinh phí còn lại được cấp sau khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu và các sản phẩm khoa học khác được nộp đầy đủ cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương VIII

QUẢN LÝ QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 38. Chế độ báo cáo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện

1. Định kỳ 06 tháng một lần, hoặc đột xuất, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ báo cáo tiến độ hoặc báo cáo theo nội dung yêu cầu gửi về Sở Khoa học và Công nghệ. Trường hợp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ không báo cáo tiến độ đúng quy định từ 02 lần trở lên mà không có lý do chính đáng sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ và xử lý theo các cam kết ghi trong hợp đồng nghiên cứu.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan, địa phương nơi triển khai thực hiện tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hợp đồng đã ký.

Điều 39. Điều chỉnh Hợp đồng nghiên cứu trong quá trình thực hiện

1. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ được chủ động điều chỉnh các nội dung trong Hợp đồng nghiên cứu như sau:

a) Điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu để đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ đã được phê duyệt; việc thay đổi này phải được sự đồng thuận của người được bổ sung và thay thế.

b) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong tổng kinh phí được giao khoán sau khi có văn bản thống nhất của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Khi cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh tổ chức chủ trì, chủ nhiệm, tên, mục tiêu nhiệm vụ, sản phẩm dự kiến để phù hợp với tình hình thực tế.

a) Việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ đi học tập, công tác dài hạn trên 06 tháng liên tục; bị ốm đau, bệnh tật hoặc vì lý do cá nhân không đủ khả năng điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ (có xác nhận lý do, văn bản đề nghị chủ nhiệm vụ được sự thống nhất của đơn vị chủ trì).

- Chủ nhiệm nhiệm vụ không hoàn thành tiến độ và nội dung theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng, vi phạm nguyên tắc tài chính có kết luận của đoàn kiểm tra, thanh tra, phải đình chỉ nhiệm vụ, bị tử vong hoặc mất tích trên 06 tháng.

- Chủ nhiệm nhiệm vụ mới phải đáp ứng các yêu cầu tại khoản 2 Điều 23 Quy định này.

b) Việc thay đổi tổ chức chủ trì trong trường hợp có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc sáp nhập, chi tách, giải thể Tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

3. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét điều chỉnh quy mô, nội dung trong thuyết minh của từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi có thay đổi hoặc phát sinh trong thực tế; nhưng phải đảm bảo mục tiêu, kết quả dự kiến của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Thời gian xem xét, trả lời bằng văn bản về đề nghị điều chỉnh trong 10 ngày làm việc.

4. Việc điều chỉnh kinh phí thực hiện khi có thay đổi về quy mô, nội dung thực hiện phải có văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì; Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hoặc lấy ý kiến tham vấn để có văn bản trả lời chính thức với tổ chức chủ trì về việc đồng ý hoặc không đồng ý điều chỉnh.

- Trường hợp giảm kinh phí do giảm quy mô và nội dung thực hiện phải được sự thống nhất bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Trường hợp tăng kinh phí do tăng quy mô và nội dung thực hiện phải được tổ chức thẩm định phần kinh phí tăng và được trao đổi thống nhất với Sở Tài chính.

5. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được áp dụng 01 (một) lần; thời gian gia hạn không quá 1/4 thời gian thực hiện đã ghi trong Hợp đồng nghiên cứu. Trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở đề xuất bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ.

6. Mọi nội dung điều chỉnh trong Hợp đồng nghiên cứu phải được ghi cụ thể, chi tiết trong Phụ lục Hợp đồng và được các bên ký kết để làm cơ sở thực hiện và đánh giá, nghiệm thu sau này.

Điều 40. Tạm ứng và quyết toán kinh phí

1. Việc tạm ứng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ vào nội dung thuyết minh, tiến độ thực hiện ghi trong Hợp đồng nghiên cứu.

2. Đối với những nội dung nghiên cứu có nêu trong thuyết minh nhưng thực tế không triển khai thực hiện sẽ không được thanh toán kinh phí cho nội dung này.

3. Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ theo tiến độ thực hiện các nội dung ghi trong Hợp đồng nghiên cứu và kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương IX

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 41. Nguyên tắc chung đánh giá

Đánh giá đề tài, dự án phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Việc đánh giá được thực hiện theo hai cấp gồm: đánh giá cấp cơ sở và đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh (gọi tắt là đánh giá chính thức).

2. Cơ sở để đánh giá là căn cứ vào nội dung phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ủy ban nhân dân tỉnh, hợp đồng nghiên cứu đã được ký kết và các nội dung đánh giá nêu trong Quy định này.

3. Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, trung thực và chính xác.

4. Tiến hành đúng quy trình, thủ tục theo Quy định này.

5. Căn cứ vào hồ sơ đánh giá, nghiệm thu.

Điều 42. Phương thức và hồ sơ đánh giá cấp cơ sở

1. Tổ chức chủ trì thực hiện đề tài, dự án có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trước khi nộp hồ sơ đánh giá chính thức cho Sở Khoa học và Công nghệ. Kết quả tự đánh giá được tổng hợp thành biên bản và là một thành phần trong hồ sơ đánh giá chính thức.

2. Kinh phí đánh giá cấp cơ sở được lấy từ kinh phí thực hiện đề tài, dự án.

3. Hồ sơ đánh giá cấp cơ sở bao gồm các tài liệu sau:

a) Tài liệu hành chính của đề tài, dự án:

- Hợp đồng nghiên cứu và thuyết minh đề tài, dự án kèm.

- Danh sách tác giả có chữ ký xác nhận của từng thành viên thực hiện chính nhiệm vụ được đánh giá.

- Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của đề tài, dự án.

- Văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, tiếp nhận, sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án (nếu có).

b) Sản phẩm của đề tài, dự án:

- Báo cáo tổng hợp kết quả và báo cáo tóm tắt đề tài, dự án.
- Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của đề tài, dự án với số lượng và chất lượng theo hợp đồng.
- Các sản phẩm trung gian: tài liệu về kết quả đo đạc, kiểm định, đánh giá, bản vẽ thiết kế, số liệu điều tra... hoặc số liệu gốc (nếu có).
- Ấn phẩm đã công bố, xuất bản trong quá trình thực hiện đề tài (nếu có).

Điều 43. Thời hạn nộp hồ sơ và tổ chức đánh giá cấp cơ sở

1. Việc tổ chức đánh giá cấp cơ sở được tiến hành chậm nhất 30 ngày trước khi kết thúc thời hạn thực hiện của đề tài, dự án ghi trong Hợp đồng nghiên cứu hoặc văn bản điều chỉnh, gia hạn thời gian thực hiện (nếu có); việc xem xét gia hạn thực hiện được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm nộp cho tổ chức chủ trì 08 bộ (bản sao) hồ sơ đánh giá cấp cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Quy định này.

3. Tổ chức chủ trì kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Hồ sơ hợp lệ được gửi tới từng thành viên hội đồng trước phiên họp ít nhất 05 ngày.

4. Kết quả đánh giá cấp cơ sở phải hoàn thành trước thời điểm kết thúc thực hiện đề tài, dự án được ghi trong hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh, gia hạn thời gian thực hiện (nếu có).

5. Trong quá trình thực hiện đề tài, dự án; nếu vì nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành đúng tiến độ theo hợp đồng, Chủ nhiệm đề tài, dự án và cơ quan chủ trì có thể đề nghị gia hạn thời gian thực hiện đề tài, dự án. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, giải quyết đề nghị gia hạn được ban hành tại khoản 5 Điều 39, khoản 2 Điều 48 và khoản 3 Điều 58 Quy định này.

Điều 44. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở

1. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm tư vấn giúp thủ trưởng tổ chức chủ trì trong việc đánh giá kết quả thực hiện đề tài, dự án so với hợp đồng nghiên cứu và các văn bản thỏa thuận, điều chỉnh (nếu có).

2. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở do thủ trưởng tổ chức chủ trì quyết định thành lập, có từ 05 đến 07 thành viên bao gồm Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, 01 thư ký khoa học và các ủy viên hội đồng. Số người của Tổ chức chủ trì đề tài, dự án tham gia hội đồng không quá 1/2 tổng số thành viên hội đồng.

Tổ chức chủ trì đề tài, dự án cử người làm thư ký khoa học và có thể cử 01 người làm ủy viên phản biện.

Chủ nhiệm đề tài, dự án và các cá nhân tham gia trực tiếp thực hiện đề tài, dự án không được làm thành viên của hội đồng.

3. Yêu cầu đối với thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở:

- a) Có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án.

b) Là chuyên gia có uy tín, sẵn sàng tham gia Hội đồng đánh giá với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực và khách quan.

c) Chủ tịch hội đồng, ủy viên phản biện ngoài các điều kiện trên phải là chuyên gia có kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn và am hiểu sâu về lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án.

Điều 45. Trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở

1. Thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm và quyền hạn sau:

a) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu đánh giá cấp cơ sở, nhận xét đánh giá kết quả đề tài, dự án; gửi phiếu nhận xét cho tổ chức chủ trì trước phiên họp của hội đồng đánh giá cấp cơ sở.

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về các ý kiến tư vấn trong quá trình đánh giá.

c) Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi công bố chính thức, không được sử dụng kết quả của đề tài, dự án trái quy định của pháp luật.

d) Trong trường hợp cần thiết yêu cầu chủ nhiệm và tổ chức chủ trì đề tài, dự án cung cấp các tài liệu của đề tài, dự án để phục vụ cho việc đánh giá.

2. Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên phản biện và Thư ký khoa học ngoài trách nhiệm và quyền hạn của thành viên Hội đồng quy định tại khoản 1 Điều này còn có trách nhiệm sau:

a) Chủ tịch Hội đồng phối hợp với tổ chức chủ trì đề tài, dự án quyết định tổ chức và chủ trì các phiên họp hội đồng đánh giá cấp cơ sở; xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của chủ nhiệm đề tài, dự án theo ý kiến kết luận của hội đồng đánh giá cấp cơ sở.

b) Ủy viên phản biện có trách nhiệm thẩm định, nhận xét, đánh giá sâu kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án; gửi phiếu nhận xét đề tài, dự án cho tổ chức chủ trì chậm nhất 02 ngày trước phiên họp của hội đồng.

c) Thư ký khoa học giúp Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, chuẩn bị tài liệu và các điều kiện cần thiết khác cho phiên họp Hội đồng; gửi bản sao phiếu nhận xét của các Ủy viên phản biện tới Chủ tịch Hội đồng và các Ủy viên trước phiên họp hội đồng; ghi chép các ý kiến thảo luận, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá cấp cơ sở theo quy định.

3. Phương thức đánh giá cấp cơ sở đối với đề tài, dự án cấp tỉnh chỉ theo 02 mức: “Đạt” hoặc “Không đạt”.

Điều 46. Phiên họp của hội đồng đánh giá cấp cơ sở

1. Thành phần chính tham dự phiên họp của Hội đồng bao gồm thành viên Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, đại diện tổ chức chủ trì đề tài, dự án và đại diện Ban chủ nhiệm Chương trình (đối với đề tài, dự án thuộc Chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh).

2. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng, trong đó có Chủ tịch và phải có mặt đủ các Ủy viên phản biện.

3. Chủ nhiệm đề tài, dự án tham dự phiên họp giải trình các vấn đề liên quan đến kết quả thực hiện đề tài, dự án. Trường hợp vì lý do đặc biệt, Chủ nhiệm đề tài không thể có mặt tại phiên họp thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho 01 thành viên chính tham gia thực hiện đề tài, dự án để thực hiện trách nhiệm của Chủ nhiệm đề tài, dự án.

4. Quy trình làm việc của Hội đồng:

a) Thư ký khoa học đọc quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự;

b) Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp theo trình tự sau:

- Chủ nhiệm đề tài, dự án báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu.
- Các ủy viên phản biện đọc phiếu nhận xét đánh giá đề tài, dự án.
- Thư ký khoa học đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.
- Các thành viên Hội đồng nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài, dự án về kết quả và các vấn đề liên quan của đề tài, dự án.
- Chủ nhiệm đề tài, dự án trả lời các câu hỏi của hội đồng.
- Hội đồng thảo luận và tiến hành đánh giá đối với đề tài, dự án.
- Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu và tiến hành bỏ phiếu: Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên, trong đó có một Trưởng ban; phiếu hợp lệ là phiếu đánh giá ở một trong hai mức “Đạt” hoặc “Không đạt”.
- Trưởng Ban kiểm phiếu thông báo kết quả kiểm phiếu đối với đề tài, dự án.
- Chủ tịch Hội đồng dự thảo kết luận đánh giá, trong đó cần nêu rõ, cụ thể những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung để hoàn thiện đối với đề tài, dự án.
- Hội đồng thống nhất từng nội dung kết luận; trường hợp Hội đồng đánh giá xếp loại “Không đạt” cần xác định rõ những nội dung, công việc đã thực hiện đúng hợp đồng để kiến nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét xử lý theo quy định hiện hành.

- Hội đồng thông qua biên bản.

Điều 47. Nội dung nhận xét, đánh giá cấp cơ sở đề tài, dự án

1. Nội dung đánh giá

Tổ chức chủ trì thực hiện đề tài, dự án có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo nội dung tại Điều 56 Quy định này.

2. Kết quả đánh giá .

a) Đánh giá chung nhiệm vụ theo 02 mức sau: “Đạt” khi tất cả tiêu chí về sản phẩm đều đạt theo Hợp đồng nghiên cứu trở lên; “Không đạt” khi có 01 tiêu chí không đạt theo Hợp đồng nghiên cứu.

b) Đánh giá, xếp loại của Hội đồng cấp cơ sở.

- Mức “Đạt” nếu nhiệm vụ có 100% thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Đạt”.

- Mức "Không đạt" nếu nhiệm vụ có ít nhất 01 thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức không đạt.

Điều 48. Xử lý và báo cáo kết quả đánh giá cấp cơ sở

1. Đối với đề tài, dự án được Tổ chức chủ trì thống nhất đề nghị đánh giá chính thức; trong thời hạn 15 ngày Chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo Biên bản tự đánh giá cấp cơ sở gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

Tổ chức chủ trì có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ để chuẩn bị cho đánh giá cấp tỉnh.

2. Trường hợp kết quả đề tài, dự án chưa được thống nhất đề nghị đánh giá chính thức, có thể được xem xét gia hạn thời gian để hoàn thiện các nội dung nghiên cứu theo quy định sau:

a) Đề tài, dự án chưa được gia hạn lần nào trong quá trình thực hiện.

b) Phải được cơ quan chủ trì có kiến nghị gia hạn được nêu trong biên bản đánh giá cơ sở, Tổ chức chủ trì phải có văn bản đề nghị (kèm theo hồ sơ, biên bản đánh giá cấp cơ sở) thông qua Ban Chủ nhiệm Chương trình (đối với các đề tài, dự án thuộc Chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh) gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được đề nghị, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét và thông báo ý kiến đến tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài về việc gia hạn đối với đề tài, dự án.

d) Sau thời gian gia hạn, việc đánh giá lại được thực hiện theo nội dung và trình tự của Quy định này nhưng không quá 01 lần đối với mỗi đề tài, dự án.

3. Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào kết luận của biên bản cuộc họp đánh giá cấp cơ sở xem xét xử lý theo quy định hiện hành đối với các trường hợp sau:

a) Đề tài, dự án không được gia hạn ngoài quy định nêu tại Khoản 2 Điều này.

b) Đề tài, dự án được gia hạn theo quy định nêu tại Khoản 2 Điều này, nhưng kết quả đánh giá lại vẫn không đạt yêu cầu.

4. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm lưu giữ bản gốc hồ sơ đánh giá cấp cơ sở của đề tài, dự án nêu tại Khoản 3 Điều 42 của Quy định này.

Điều 49. Đánh giá chính thức thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Việc đánh giá chính thức kết quả thực hiện đề tài, dự án được thông qua Hội đồng tư vấn Khoa học và Công nghệ đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh.

2. Đánh giá chính thức kết quả thực hiện đề tài, dự án cấp tỉnh chỉ tiến hành đối với các đề tài, dự án đã hoàn thành đánh giá cấp cơ sở và được Tổ chức chủ trì thống nhất đề nghị đánh giá cấp tỉnh bằng văn bản.

3. Đối với các đề tài, dự án có kết quả nghiên cứu là các sản phẩm có thể đo kiểm được (kể cả phần mềm máy tính...) thì tính xác thực của các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ còn được thẩm định bởi Tổ chuyên gia trước khi Hội đồng hợp phiên đánh giá chính thức.

4. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi nhận được hồ sơ đề nghị.

5. Kinh phí đánh giá chính thức đề tài, dự án được lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học hàng năm của tỉnh.

6. Chi phí phát sinh để hoàn thiện các sản phẩm và tài liệu của đề tài, dự án theo yêu cầu của Hội đồng các cấp do tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án tự trang trải.

Điều 50. Hồ sơ đánh giá chính thức

Hồ sơ đánh giá cấp tỉnh của đề tài, dự án gồm các tài liệu sau:

1. Công văn đề nghị của tổ chức chủ trì đề tài, dự án gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Hồ sơ đánh giá cấp cơ sở nêu tại Khoản 3, Điều 42 đã được bổ sung hoàn thiện theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở.

3. Biên bản đánh giá cấp cơ sở.

Điều 51. Thời hạn nộp hồ sơ và tổ chức đánh giá chính thức

1. Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm nộp 01 bộ hồ sơ đánh giá chính thức bản gốc (có đóng dấu, chữ ký trực tiếp) và 01 bản điện tử (dạng PDF, không cài bảo mật) bao gồm các tài liệu nêu tại Điều 50 của Quy định này gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trước thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu.

2. Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đầy đủ, Chủ nhiệm đề tài, dự án, tổ chức chủ trì phải bổ sung, hoàn thiện đầy đủ đúng theo quy định tại Điều 50 Quy định này. Thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ được ghi trên giấy biên nhận hồ sơ.

3. Hồ sơ hợp lệ được Sở Khoa học và Công nghệ gửi đến từng thành viên Hội đồng trước phiên họp ít nhất 05 ngày làm việc.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá hợp lệ Sở Khoa học và Công nghệ có Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án.

Điều 52. Tổ chức đánh giá chính thức nhiệm vụ cấp tỉnh

1. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ đánh giá cấp tỉnh (gọi tắt Hội đồng đánh giá chính thức) có trách nhiệm tư vấn giúp Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đánh giá kết quả đề tài, dự án. Trường hợp đề tài, dự án thuộc Chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh thì việc thành lập Hội đồng đánh giá chính thức đề tài, dự án cấp tỉnh có tham khảo ý kiến của Ban chủ nhiệm chương trình.

2. Tổ chuyên gia (được thành lập trong trường hợp đề tài, dự án có sản phẩm đo, kiểm được) có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, mức chất lượng, nhận định tính xác thực các sản phẩm của đề tài, dự án nếu xét thấy cần thiết. Tổ chuyên gia do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập.

3. Thành viên Hội đồng đánh giá chính thức phải đảm bảo các yêu cầu, điều kiện tại khoản 1 và 5 Điều 11 Quy định này, ngoài ra còn phải tuân thủ các điều kiện sau:

a) Thành viên Hội đồng đánh giá cấp cơ sở có thể tham gia Hội đồng đánh giá cấp Tỉnh nhưng không quá hai (02) thành viên, trong đó Chủ tịch, Ủy viên phản biện của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Ủy viên phản biện của Hội đồng đánh giá chính thức.

b) Chủ nhiệm và các cá nhân tham gia trực tiếp thực hiện đề tài, dự án không được làm thành viên Hội đồng đánh giá đề tài, dự án đó.

c) Thành viên tham gia thực hiện chính đề tài, dự án khác thuộc cùng chương trình được tham gia Hội đồng đánh giá chính thức nhưng không quá 01 thành viên và không làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên phản biện hoặc thư ký khoa học.

4. Tổ chuyên gia có từ 03 đến 05 thành viên gồm các thành viên của Hội đồng và các chuyên gia ngoài Hội đồng (nếu cần thiết) do Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng làm Tổ trưởng.

Thành viên Tổ chuyên gia phải là các chuyên gia có kinh nghiệm, am hiểu sâu, có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án.

5. Các chuyên gia, các ủy viên phản biện đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp được ưu tiên mời tham gia Hội đồng đánh giá chính thức. Trong trường hợp cần thiết, có thể mời 01 chuyên gia đang công tác tại cơ quan chủ trì đề tài, dự án làm ủy viên Hội đồng.

Điều 53. Trách nhiệm, quyền hạn của thành viên Hội đồng tư vấn đánh giá nhiệm vụ cấp tỉnh và Tổ chuyên gia

1. Thành viên hội đồng đánh giá cấp tỉnh có trách nhiệm và quyền hạn theo Điều 12 của Quy định này, ngoài ra Chủ tịch Hội đồng và Thư ký khoa học còn có trách nhiệm sau:

a) Chủ tịch Hội đồng phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thời gian họp và chủ trì các phiên họp của Hội đồng đánh giá chính thức; xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của chủ nhiệm đề tài, dự án theo ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá chính thức.

b) Thư ký khoa học giúp Chủ tịch Hội đồng ghi chép các ý kiến thảo luận tại các phiên họp, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá cấp tỉnh theo ý kiến kết luận tại phiên họp đánh giá của Hội đồng.

2. Trách nhiệm của thành viên Tổ chuyên gia:

a) Kiểm tra, thẩm định độ tin cậy của toàn bộ tài liệu, mẫu hiện vật, các sản phẩm của đề tài, dự án; nhận định về tính xác thực của các thông số kỹ thuật và tài

liệu công nghệ thông qua việc kiểm tra sổ nhật ký, các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng, các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm... Trên cơ sở hồ sơ đánh giá, khảo sát hiện trường (nếu có), đối chiếu với yêu cầu của Hợp đồng nghiên cứu và lập báo cáo thẩm định theo mẫu do Sở Khoa học và Công nghệ soạn thảo.

b) Báo cáo thẩm định được gửi về Sở Khoa học và Công nghệ ít nhất 02 ngày làm việc trước phiên họp đánh giá của Hội đồng bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

- Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản so với Hợp đồng.
- Mức độ hoàn thành và tính xác thực của các chỉ tiêu cơ bản của các sản phẩm của đề tài, dự án so với yêu cầu đã ghi trong Hợp đồng.
- Mức độ hoàn chỉnh và độ tin cậy của tài liệu công nghệ.

Điều 54. Trình tự phiên họp Tổ chuyên gia

1. Phiên họp Tổ chuyên gia được thực hiện trước khi tổ chức đánh giá chính thức đề tài, dự án. Sở Khoa học và Công nghệ gửi hồ sơ 01 hoặc nhiều sản phẩm cho các thành viên Tổ chuyên gia ít nhất 05 ngày trước phiên họp.

2. Trình tự phiên họp tổ chuyên gia.

a) Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ công bố Quyết định thành lập.

b) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức để Tổ Chuyên gia hoặc một số thành viên Hội đồng xem xét, khảo sát tại hiện trường phục vụ cho việc đánh giá kết quả của Đề tài, nếu thấy cần thiết.

c) Từng thành viên cho ý kiến nhận xét theo mẫu quy định về các sản phẩm cần thẩm định; nếu thấy cần thiết tổ chuyên gia kiến nghị một số thông số kỹ thuật cần đo đạc kiểm định lại đối với Đề tài có các kết quả đo kiểm được, đồng thời đề xuất để Sở Khoa học và Công nghệ mời cơ quan kiểm định thử nghiệm có thẩm quyền thực hiện.

d) Thông qua báo cáo thẩm định sản phẩm.

Điều 55. Phiên họp của Hội đồng đánh giá chính thức

1. Thành phần chính tham dự các phiên họp của Hội đồng đánh giá chính thức bao gồm các thành viên Hội đồng, đại diện tổ chức chủ trì, đại diện các cơ quan, đơn vị có liên quan và đại diện Ban Chủ nhiệm chương trình đối với đề tài, dự án thuộc chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Chủ nhiệm đề tài, dự án báo cáo kết quả thực hiện.

Trường hợp đặc biệt, Chủ nhiệm đề tài không thể có mặt tại phiên họp phải uỷ quyền bằng văn bản cho 01 thành viên chính tham gia đề tài thực hiện trách nhiệm của Chủ nhiệm đề tài trong phiên họp.

2. Chương trình phiên họp gồm các nội dung sau:

a) Công bố Quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự.

b) Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ nêu những nội dung và yêu cầu chủ yếu đối với việc đánh giá nghiệm thu nêu tại Quy định này.

c) Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp theo trình tự sau:

- Chủ nhiệm đề tài, dự án trình bày tóm tắt kết quả thực hiện.
- Lần lượt các thành viên Hội đồng đọc nhận xét đối với đề tài, dự án.
- Thư ký khoa học đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt để Hội đồng tham khảo.
- Thư ký khoa học báo cáo kết quả thẩm định đối với đề tài, dự án (nếu có).
- Các thành viên Hội đồng nêu ý kiến trao đổi và đặt câu hỏi đối với Chủ nhiệm đề tài, dự án về kết quả và các vấn đề liên quan của đề tài, dự án.
- Chủ nhiệm đề tài, dự án trả lời các câu hỏi của Hội đồng.
- Ý kiến của các đại biểu tham dự phiên họp để tham khảo (nếu có).
- Hội đồng thảo luận kín; các thành viên Hội đồng chấm điểm, đánh giá xếp loại đề tài, dự án theo biểu mẫu do Sở Khoa học và Công nghệ soạn thảo.
- Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên thuộc Hội đồng, trong đó có một Trưởng ban. Hội đồng tiến hành bỏ phiếu đánh giá kết quả đề tài, dự án.
- Ban kiểm phiếu lập biên bản và báo cáo kết quả kiểm phiếu.
- Chủ tịch Hội đồng dự thảo kết luận đánh giá. Trường hợp Hội đồng đánh giá xếp loại “*Không đạt*” cần xác định rõ những nội dung, công việc đã thực hiện đúng hợp đồng để Sở Khoa học và Công nghệ xem xét và xử lý theo quy định hiện hành.
- Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua biên bản.

Điều 56. Nội dung đánh giá và yêu cầu đối với kết quả đề tài, dự án

1. Nội dung đánh giá

a) Đánh giá về báo cáo tổng hợp: đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn).

b) Đánh giá về sản phẩm của đề tài, dự án so với đặt hàng, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

2. Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp:

a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến đề tài, dự án.

b) Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật.

c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án được trình bày theo kết cấu hệ thống và lô gíc khoa học với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể, giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả đề tài, dự án phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

d) Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

3. Yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ cấp tỉnh.

Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng, thuyết minh, sản phẩm của đề tài, dự án cấp tỉnh cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

a) Đối với sản phẩm là: mẫu; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với Tổ chức chủ trì đề tài, dự án.

b) Đối với sản phẩm là: nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, qui hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm tương tự khác cần được thẩm định bởi Hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc Tổ chuyên gia.

c) Đối với sản phẩm là: kết quả tham gia đào tạo sau đại học, giải pháp hữu ích, sáng chế, công bố, xuất bản và các sản phẩm tương tự khác cần có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng phù hợp.

Điều 57. Phương pháp đánh giá và xếp loại đối với đề tài, dự án

1. Đánh giá của thành viên Hội đồng

a) Mỗi chủng loại sản phẩm của đề tài, dự án đánh giá trên các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi vượt mức so với đặt hàng; “Đạt” khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng; “Không đạt” khi không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng.

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài, dự án đánh giá theo 04 mức sau:

- Mức “Xuất sắc” khi báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại Khoản 2 Điều 56 Quy định này.

- Mức “Khá” khi báo cáo tổng hợp đầy đủ nội dung theo yêu cầu, chỉ cần chỉnh sửa, bổ sung một vài vấn đề mang tính chi tiết.

- Mức “Đạt” khi báo cáo tổng hợp chưa hoàn thiện nhưng có thể chỉnh sửa và hoàn thiện theo yêu cầu, kết luận của Hội đồng.

- Mức “Không đạt” khi không thuộc các trường hợp trên.

c) Đánh giá chung nhiệm vụ theo 04 mức sau:

- Mức “Xuất sắc” khi tất cả tiêu chí về sản phẩm đều đạt mức “Xuất sắc” và Báo cáo tổng hợp đạt mức “Khá” trở lên.

- Mức “Khá” khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu: có ít nhất 2/3 tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm đạt mức “Khá” trở lên; tất cả tiêu chí còn lại của sản phẩm từ mức “Đạt” trở lên, Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên;

- Mức “Đạt” khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu: tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên; ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng không phải là sản phẩm chính của đề tài, dự án theo đặt hàng), Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên.

- Mức “Không đạt” khi không thuộc ba trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn (nếu có) mà không được sự đồng ý của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Đánh giá, xếp loại của Hội đồng

a) Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên nào đánh giá ở mức “Không đạt”.

b) Mức “khá” nếu nhiệm vụ có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Khá” trở lên và không có thành viên nào đánh giá ở mức “Không đạt”.

c) Mức "Không đạt" nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá mức không đạt; Hoặc nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu trễ từ 06 tháng trở lên tính từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc văn bản gia hạn (nếu có) mà không được sự đồng ý của Sở Khoa học và Công nghệ.

d) Mức “Đạt” nếu nhiệm vụ không thuộc điểm a, b và điểm c Khoản này; hoặc 100% thành viên Hội đồng đánh giá chính thức lần 02 đánh giá mức đạt trở lên.

3. Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm gửi hồ sơ đánh giá chính thức trễ hạn từ hơn 30 ngày đến dưới 06 tháng, việc đánh giá, xếp loại của Hội đồng được thực hiện như sau:

a) Trường hợp trễ hạn từ hơn 30 ngày đến dưới 90 ngày thì hồ sơ đánh giá chính thức không được xếp loại ở mức xuất sắc.

b) Trường hợp trễ hạn từ 90 ngày đến dưới 06 tháng thì hồ sơ đánh giá chỉ được xếp loại cao nhất ở mức đạt.

4. Đối với đề tài, dự án được Hội đồng đánh giá ở mức “Đạt” trở lên, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng.

Sở Khoa học và Công nghệ Phối hợp với Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, đánh giá việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của đề tài, dự án. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận về việc hoàn thiện hồ sơ của chủ nhiệm đề tài, dự án.

Điều 58. Xử lý và báo cáo kết quả đánh giá chính thức

1. Sau khi tiếp nhận kết quả làm việc của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ đánh giá nghiệm thu, trong thời gian 05 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công

nghệ thông báo bằng văn bản cho đơn vị chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ về kết quả đánh giá đạt hoặc không đạt.

2. Đề tài, dự án được đánh giá xếp loại ở mức “*Đạt*” trở lên, trong thời hạn tối đa 25 ngày làm việc sau khi có kết quả đánh giá, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn chỉnh các sản phẩm khoa học theo kết luận của Hội đồng và đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Chủ tịch Hội đồng để kiểm tra, đánh giá việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của đề tài, dự án. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án theo kết luận của Hội đồng.

3. Trường hợp kết quả đề tài, dự án xếp loại ở mức “*Không đạt*”, có thể được xem xét gia hạn thời gian để sửa chữa, hoàn thiện sản phẩm phục vụ đánh giá chính thức lần sau.

4. Thời gian gia hạn để sửa chữa và hoàn thiện sản phẩm đối với đề tài khoa học xã hội không quá 90 ngày và đối với đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm không quá 180 ngày kể từ ngày có kết luận của Hội đồng đánh giá chính thức theo quy định sau:

a) Để được xem xét gia hạn, đề tài, dự án phải được Hội đồng đánh giá kiến nghị gia hạn và cơ quan chủ trì, Chủ nhiệm đề tài, dự án phải có văn bản đề nghị (kèm theo hồ sơ, biên bản đánh giá cấp tỉnh và phương án xử lý) thông qua Ban chủ nhiệm Chương trình (đối với các đề tài, dự án thuộc Chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh) gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được đề nghị, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét và thông báo ý kiến về việc gia hạn đối với đề tài, dự án.

c) Sau thời gian gia hạn, việc đánh giá lại được thực hiện theo nội dung và trình tự của Quy định này nhưng không quá 01 lần đối với mỗi đề tài, dự án.

5. Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào kết luận của Hội đồng đánh giá, xem xét xử lý theo quy định hiện hành đối với các trường hợp sau:

a) Không được gia hạn theo quy định nêu tại khoản 3, 4 Điều này.

b) Được gia hạn theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này nhưng kết quả đánh giá lại vẫn ở mức “*Không đạt*”.

6. Trường hợp đề tài, dự án có kết quả đánh giá về tổ chức thực hiện ở mức “*Không đạt*”, Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào mức độ vi phạm để tham mưu với Ủy ban nhân dân Tỉnh tiến hành xử lý theo quy định nêu tại Điều 23 Quy định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương X

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN, THANH LÝ HỢP ĐỒNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 59. Công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án

Việc công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án được áp dụng đối với đề tài, dự án được đánh giá từ mức “Đạt” trở lên.

1. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ, bao gồm:
 - a) Biên bản họp hội đồng đánh giá.
 - b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ.
 - c) Báo cáo tổng kết.
 - d) Ý kiến của các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập (nếu có).
2. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này, Ban chủ nhiệm chương trình (nếu đề tài, dự án thuộc chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh), Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này đối với các đề tài, dự án cấp tỉnh thuộc phạm vi mình quản lý đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận kết quả.

3. Sau khi có quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ và thanh lý hợp đồng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 60. Quản lý tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Tài sản được mua sắm, hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước được quản lý, xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 61. Đăng ký, công bố và lưu giữ thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện việc đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại Thông tư 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 06 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

nghe Đồng Tháp (<http://www.skhcn.dongthap.gov.vn>) hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác theo các quy định hiện hành.

3. Sở Khoa học và Công nghệ công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước, kết quả thực hiện được đăng ký, lưu giữ theo chế độ mật.

4. Việc thông tin, phổ biến kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo các quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và Luật Báo chí.

5. Các ngành, đơn vị, địa phương đề xuất đặt hàng được ưu tiên sử dụng kết quả nghiên cứu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đặt hàng.

6. Các cá nhân, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm phổ biến và cùng cơ quan quản lý chuyên giao kết quả nghiên cứu đến tổ chức tiếp nhận để ứng dụng và nhân rộng.

Chương XI

GIAO QUYỀN SỬ DỤNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Điều 62. Đề nghị giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu

1. Đề xuất giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định này có xuất xứ từ:

a) Tổ chức chủ trì, doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khác quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 40 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 có nhu cầu được giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu làm hồ sơ đề nghị giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu.

b) Kiến nghị của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu về giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đối với tổ chức, đơn vị có đủ điều kiện tiếp nhận và ứng dụng kết quả nghiên cứu.

2. Hồ sơ đề nghị giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Đối với trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này gồm:

- Đơn đề nghị giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu theo mẫu.
- Báo cáo khả năng ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo mẫu.
- Dự thảo Thỏa thuận về giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu theo mẫu.
- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

b) Đối với trường hợp quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này:

- Biên bản làm việc của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ đánh giá,

nghiệm thu đề tài.

- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 63. Thụ lý hồ sơ đề nghị giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu

1. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thụ lý hồ sơ đề nghị giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, đơn vị thụ lý hồ sơ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho tổ chức đề nghị giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu về tính hợp lệ của hồ sơ.

3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, đơn vị thụ lý hồ sơ phải tổ chức thực hiện:

a) Đánh giá hồ sơ, đàm phán với tổ chức đề nghị về thỏa thuận giao quyền sử dụng. Trong trường hợp cần thiết, tham vấn ý kiến các cơ quan chức năng trước khi đề xuất với đại diện chủ sở hữu nhà nước về phương án giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu theo Quy định này.

b) Đề xuất phương án giao quyền hoặc từ chối giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu và dự thảo Thỏa thuận, dự thảo Quyết định về việc giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 64. Quyết định giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với quyền sử dụng, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu theo Quy định này.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề xuất phương án giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Quy định này do đơn vị thụ lý hồ sơ đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ký kết thỏa thuận giao quyền và ký Quyết định giao quyền hoặc thông báo từ chối đề nghị giao quyền, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

3. Đơn vị tiếp nhận quyền sử dụng kết quả nghiên cứu có trách nhiệm tổ chức triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu theo hồ sơ đăng ký và nội dung của quyết định giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương XII

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 65. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân và chủ động đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Mời đại diện cơ quan đề xuất đặt hàng, đại diện ngành, địa phương sử dụng kết quả nghiên cứu tham dự các cuộc họp Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét chọn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ và đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Tổ chức xây dựng, thực hiện và tổ chức đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo chỉ đạo và phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chủ trì phối hợp thẩm định kinh phí, cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5. Chủ trì phối hợp kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định

6. Điều chỉnh Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo Điều 39 Quy định này.

7. Tổ chức nghiệm thu và công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức nhân rộng kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

8. Đề xuất các hình thức khen thưởng, xử lý vi phạm đối với tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Định kỳ hàng năm (trong tháng 12) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 66. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan đề xuất đặt hàng và tiếp nhận kết quả nghiên cứu

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ với Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ đã đề xuất.

3. Cử cán bộ có năng lực về chuyên môn chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc tham gia, phối hợp nghiên cứu.

4. Cử đại diện tham dự các cuộc họp Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét chọn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ và đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ đã đề xuất hoặc địa bàn quản lý theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý.

6. Tổ chức tiếp nhận và chịu trách nhiệm ứng dụng, nhân rộng các kết quả thực hiện của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đề xuất đặt hàng theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ việc ứng dụng kết quả nghiên cứu về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 67. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Lựa chọn cá nhân có đủ trình độ và năng lực chuyên môn để tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí **của chủ nhiệm nhiệm vụ theo khoản 2 Điều 23 Quy định này**. Việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ phải có đề xuất bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ và phải được Ủy ban nhân dân Tỉnh chấp thuận.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với Sở Khoa học và Công nghệ; ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng với Sở Khoa học và Công nghệ và trách nhiệm của bên đặt hàng với các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Thanh quyết toán kinh phí, nộp kinh phí thu hồi (nếu có), nộp báo cáo khoa học chính thức theo quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm với Sở Khoa học và Công nghệ về tính xác thực của nội dung và số liệu báo cáo khoa học và các sản phẩm khoa học khác.

7. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

8. Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ.

9. Bảo mật các nội dung, kết quả nghiên cứu và phát triển theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện việc công bố, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

12. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của nhiệm vụ; được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

13. Được đảm bảo các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

14. Kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do tổ chức chủ trì thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

15. Được khiếu nại, tố cáo, khởi kiện ra toà án theo quy định của pháp luật đối với các hành vi sai trái của các cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 68. Trách nhiệm và quyền lợi của chủ nhiệm nhiệm vụ

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

3. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ theo cam kết trong hợp đồng với tổ chức chủ trì và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

4. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

5. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ với tổ chức chủ trì.

6. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết khoa học và công nghệ và các tài liệu khác theo hợp đồng đã ký với tổ chức chủ trì.

7. Được hưởng quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

Chương XIII

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 69. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân trong quá trình tư vấn, triển khai nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ cấp tỉnh mang lại hiệu quả tích cực, đóng góp thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương được đề nghị cấp thẩm quyền xem xét khen thưởng tương xứng theo Luật Thi đua – Khen thưởng.

Điều 70. Xử lý vi phạm

1. Đơn vị chủ trì không được tham gia tuyển chọn hoặc giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cấp tỉnh khi có vi phạm tại Điều 23 Quy định này.

2. Cá nhân sẽ không được xét giao chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong thời hạn 03 năm tiếp theo kể từ khi đề tài, dự án cấp tỉnh được giao làm chủ nhiệm có kết quả đánh giá chính thức, thuộc các trường hợp sau:

a) Đề tài, dự án xếp loại “Không đạt” và không được Hội đồng đánh giá nghiệm thu kiến nghị cho hoàn thiện để đánh giá nghiệm thu lại.

b) Đề tài, dự án do Hội đồng đánh giá nghiệm thu xếp loại “Không đạt” được kiến nghị đưa vào đánh giá nghiệm thu lần thứ hai mà vẫn không được xếp loại “Đạt”.

c) Đề tài, dự án bị đình chỉ thực hiện do vi phạm nghiêm trọng một trong các điều kiện sau:

- Hồ sơ, tài liệu không trung thực.
- Sao chép kết quả nghiên cứu của người khác.
- Vi phạm các quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện.
- Nộp hồ sơ đánh giá không đúng thời gian theo Quy định này.

3) Trường hợp không thực hiện việc đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, sẽ không được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nào khác của tỉnh cho đến khi hoàn thành các thủ tục này theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý về tài chính đối với các đề tài, dự án bị đình chỉ trong quá trình thực hiện hoặc xếp loại “Không đạt” theo quy định tại Điều 11 Chương II Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án có sử dụng ngân sách nhà nước đối với các đề tài, dự án không hoàn thành.

5. Công chức, viên chức các tổ chức, đơn vị có liên quan vi phạm các quy định về xác định nhiệm vụ; xét chọn giao trực tiếp thực hiện; đánh giá, nghiệm thu sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Luật Cán bộ Công chức và Luật Viên chức.

6. Thành viên của các Hội đồng tư vấn vi phạm quy định đánh giá thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 64/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27 tháng 6 năm 2013 về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ và không được mời tham gia hội đồng đánh giá trong thời hạn 05 năm kể từ khi có quyết định xử phạt.

7. Trường hợp phát hiện Hội đồng tư vấn vi phạm quy định trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cơ quan quản lý đề tài, dự án có thể yêu cầu Hội đồng sửa đổi, bổ sung, đánh giá lại hoặc thành lập Hội đồng tư vấn mới để bảo đảm công tác tư vấn khoa học và công nghệ được thực hiện khách quan, chính xác, đúng quy định.

Điều 71. Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có quyền khiếu nại về các quyết định hành chính, kết quả làm việc của các Hội đồng tư vấn; cá nhân có quyền tố cáo các hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XIV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 72. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đã được phê duyệt trước thời điểm quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo các quy định còn hiệu lực tại thời điểm phê duyệt.

2. Khi Nhà nước thay đổi các định mức khung xác định dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dương